TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25 – 11 – 2019
V/v tranh chấp HNGĐ
Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Ngọc Minh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Mai Hương

2. Ông Phạm Phước Tâm

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Đào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 476/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 239/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 174/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Văn R, sinh năm 1972

Địa chỉ: Tổ 4, ấp AB, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên hệ: Ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Trần Thị D, sinh năm 1973

Địa chỉ: Ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm anh Nguyễn Văn R là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Anh R và chị D chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, cấp ngày 20/11/2002. Thời gian đầu, anh R và chị D chung sống hạnh phúc. Thời gian sau, anh R và chị D phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng không giải quyết được. Anh R và chị D

không còn chung sống với nhau từ năm 2017 đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên anh R yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị D.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Nhựt Đ, sinh ngày 22/12/1996 và Nguyễn Nhựt H, sinh ngày 01/11/1999. Hiện 02 con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Bị đơn là chị Trần Thị D đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ, biết nội dung yêu cầu khởi kiện của anh R nhưng không có ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

- 01 Giấy khai sinh tên Nguyễn Nhựt H, sinh ngày 01/11/1999 (Photo chứng thực);

- Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính);

- Đơn xin xác nhận nơi cư trú có xác nhận của Công an xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp ngày 19/7/2019 (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Nguyễn Văn R có đơn yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị D. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là *"Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn"*.

Chị Trần Thị D là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ tại huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Trần Thị D là bị đơn trong vụ kiện nhưng chị D vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì về việc xin ly hôn của anh R. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Trần Thị D là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh R và chị D được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, cấp ngày 20/11/2002, do đó hôn nhân giữa anh R và chị D là hợp pháp.

Theo anh R trình bày thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Thời gian sau, anh R và chị D phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng không giải quyết được. Anh R và chị D không còn chung sống với nhau từ năm 2017 đến nay. Khi giải quyết vụ kiện, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập chị Trần Thị D tham gia phiên hòa giải, phiên tòa nhưng chị D vắng mặt không có lý do cũng như không có ý kiến hay biện pháp nào để hàn gắn tình cảm đối với yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn R. Xét thấy hôn nhân giữa anh R và chị D lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh R yêu cầu ly hôn với chị D là có căn cứ để chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa anh R và chị D là mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh R.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Nhựt Đ, sinh ngày 22/12/1996 và Nguyễn Nhựt H, sinh ngày 01/11/1999. Hiện 02 con chung đã trưởng thành, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh R trình bày vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, chị D không có ý kiến về tài sản chung, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Anh R trình bày vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ, chị D không có ý kiến về nợ chung, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn R phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 144 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn R.

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn R được ly hôn với chị Trần Thị D.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Nhựt Đ, sinh ngày 22/12/1996 và Nguyễn Nhựt H, sinh ngày 01/11/1999. Hiện 02 con chung đã trưởng thành, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh R và chị D không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn R phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003150 ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Như vậy anh R đã nộp xong.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Ngọc Minh